

thông số chung của khu vực

STT	Tên khu vực	Diện tích khu vực (ha)	Diện tích đất (ha)	Diện tích xây dựng (ha)	Diện tích cây xanh (ha)
1	Khu vực trung tâm	100	80	60	20
2	Khu vực phía Bắc	50	40	30	10
3	Khu vực phía Nam	50	40	30	10
4	Khu vực phía Tây	50	40	30	10
5	Khu vực phía Đông	50	40	30	10
6	Khu vực ven sông	50	40	30	10
7	Khu vực ven biển	50	40	30	10
8	Khu vực ven núi	50	40	30	10
9	Khu vực ven hồ	50	40	30	10
10	Khu vực ven đường	50	40	30	10

PHƯỜNG BÌNH ĐỨC - THÀNH PHỐ LONG XUYÊN - TỈNH AN GIANG

ĐIỀU CHỈNH CỤC BỘ QUY HOẠCH CHI TIẾT TỶ LỆ 1/500 KHU ĐÔ THỊ BẮC LONG XUYÊN

BẢN ĐỒ QUY HOẠCH CHIA LÔ

